

TOÁN**Phép cộng có tổng bằng 10****I. Mục tiêu:*****Kiến thức, kĩ năng:**

Ôn tập:

- Tái hiện bảng cộng có tổng bằng 10, thực hiện các phép cộng trong bảng.
- Thực hiện các phép cộng không qua 10 trong phạm vi 20.
- Sử dụng đồ dùng học tập, thể hiện số trong phạm vi 20 (theo cấu tạo thập phân).

***Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

*Tích hợp: TN & XH; Toán học và cuộc sống

III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có). 10 khối lập phương
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. Các hoạt động dạy học:

TL	Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
8'	A.KHỞ ĐỘNG : <ul style="list-style-type: none"> - Hát: “1 với 1 là 2, 2 thêm 2 là 4, 4 với 1 là 5, 5 với 5 là 10”. - GV: $5 + 5 = 10$, còn các phép cộng nào có tổng là 10? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chơi -HS lắng nghe
B.LUYỆN TẬP:		
10'	Hoạt động 1. Tái hiện bảng cộng có tổng bằng 10 <ul style="list-style-type: none"> -Hd HS tái hiện các phép cộng trong bảng. +HS tách 10 khối lập phương thành hai nhóm bất kì (có thể dùng ngón tay thay khối lập phương). +HS 2 viết sơ đồ tách - gộp số theo cách tách của HS 	<ul style="list-style-type: none"> -HS làm việc theo nhóm

	<p>1 HS viết hai phép cộng theo sơ đồ tách - gộp số. -GV tổng hợp rồi viết các phép tính có tổng bằng 10 lên bảng. -GV che kết quả, số hạng, HS khôi phục bảng cộng. -HS đọc bảng cộng</p>	<p>-HS thực hiện -HS đọc bảng cộng</p>
15'	<p>.Hoạt động 2:Luyện tập: Các phép cộng có tổng bằng 10 và phép cộng không qua 10 trong phạm vi 20</p> <p>Bài 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tìm hiểu bài, nhận biết mỗi bảng đều có 10 ô vuông, số chấm tròn cần thêm chính là số ô còn trống. -GV khuyến khích HS nói theo mẫu câu: “Đã có... chấm tròn, cần thêm ... chấm tròn nữa để đủ 10 chấm tròn”. 	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập. -HS nói theo mẫu -HS khác nhận xét, bổ sung.</p>
	<p>Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu yêu cầu bài tập - HS dựa vào bảng hoặc mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ. HS yếu có thể dùng ngón tay để tính. - HD HS thực hiện 	<p>-Nêu yêu cầu bài tập -HS dựa vào bảng hoặc mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ. - HS thực hiện</p>
	<p>Bài 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu yêu cầu bài tập - HS nhận biết cách làm: tính từ trái sang phải. - Khi sửa bài, lưu ý HS nói theo hai cách. <p>Ví dụ: $9+1=?$ $10+8=?$ hay có 1 chục và 8 đơn vị, ta có số mấy?</p>	<p>-HS Nêu yêu cầu bài tập -HS thực hiện</p>
	<p>Bài 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu yêu cầu bài tập - HS nhóm đôi tự tìm hiểu bài và thực liện. - GV khuyến khích HS giải thích cách làm (có thể bắt đầu từ hàng trên hay hàng dưới). 	<p>-HS Nêu yêu cầu bài tập -HS thực hiện -HS trình bày.</p>

3'	C.CÙNG CỐ-DẶN DÒ: GV có thể ra các câu hỏi, chẳng hạn: - 6 thêm mấy được 10? - Có 1 chục và 7 đơn vị, ta được số mấy?	-HS trả lời, thực hiện
-----------	---	------------------------

TOÁN

9 cộng với một số

I.Mục tiêu:

**Kiến thức, kĩ năng:*

- Thực hiện được phép tính $9 + 5$.
- Khái quát hoá được cách tính 9 cộng với một số.
- Vận dụng:
 - Thực hiện tính nhẩm 9 cộng với một số (cộng qua 10 trong phạm vi 20).
 - Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng để kiểm chứng cách tính 9 cộng với một số.

**Năng lực, phẩm chất:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
 - Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

*Tích hợp: TN & XH

III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có). 20 khối lập phương
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. Các hoạt động dạy học:

<i>TL</i>	<i>Hoạt động của giáo viên.</i>	<i>Hoạt động của học sinh.</i>
8'	A.KHỞI ĐỘNG : Tổ chức cho HS chơi trò chơi Hỏi đáp nhanh GV hỏi, HS nào trả lời nhanh đúng thì thắng	- HS chơi

	<ul style="list-style-type: none"> - 9 thêm mấy được 10? - 6 gồm 1 và mấy? 8 gồm 1 và mấy? - Có 1 chục và 4 đơn vị, ta được số mấy? 	-HS lắng nghe
10' B.BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH:		
	<p>Hoạt động 1. Thực hiện phép tính $9 + 5$,</p> <ul style="list-style-type: none"> - HD HS hoạt động theo nhóm 4 <p>Bước 1 : Tìm hiểu vấn đề.</p> <ul style="list-style-type: none"> -HS đọc câu hỏi, quan sát hình ảnh, nhận biết được vấn đề cần giải quyết: $9 + 5 = ?$ <p>Bước 2: Lập kế hoạch.</p> <ul style="list-style-type: none"> -HS thảo luận cách tính $9 + 5$ -Yêu cầu HS nêu cách làm. <p>Bước 3: Tiến hành kế hoạch</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm thực hiện, viết phép tính ra bảng con, một vài nhóm trình bày ngắn gọn cách làm. <p>Bước 4: Kiểm tra lại.</p> <ul style="list-style-type: none"> -GV giúp HS kiểm tra: <ul style="list-style-type: none"> +Kết quả. +Phép tính có phù hợp vấn đề cần giải quyết $9 + 5 = ?$ 	<ul style="list-style-type: none"> -HS làm việc theo nhóm -HS thực hiện -HS đọc bảng cộng
	<p>Hoạt động 2:Giới thiệu 9 cộng với một số</p> <p>GV có thể tiến hành theo trình tự sau:</p> <p>Giúp HS cảm nhận về số (số các khối lập phương có tất cả nhiều hơn 10, nên ta có số lớn hơn 10).</p> <p>Số lớn hơn 10 nên ngĩ ngay tới chục và đơn vị.</p> <p>Ta tách 1 khối lập phương ở 5 khối lập phương gộp với 9 khối lập phương cho đủ chục</p> <p>Có 1 chục và 4 đơn vị, có số 14.</p> <p style="text-align: center;"><i>Vậy $9+5 = 14$.</i></p> <p>-GV vừa viết vừa nói: Muốn lấy 9 cộng với một số, ta tách 1 ở số sau, cộng với 9 cho đủ chục rồi cộng số còn lại.</p> <p>GV hỏi: Ta tách 1 ở số sau để làm gì? (Để gộp với 9 cho đủ chục).</p> <p><i>Ta luôn gộp cho đủ chục rồi lấy 10 cộng với số còn lại</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS cảm nhận -HS lắng nghe -HS đọc
15' C.LUYỆN TẬP		

	<p>Bài 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu yêu cầu bài tập - HS tự tìm hiểu và thực hiện (bảng con). - GV giúp HS nhận biết $9 + 1 + 6 = 9 + 7$. - HD HS thực hiện - GV nhận xét 	<ul style="list-style-type: none"> -Nêu yêu cầu bài tập - HS thực hiện -Nhận xét
	<p>Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu yêu cầu bài tập - HS nhận biết: các phép tính trong bài đều là 9 cộng với một số. <p>Muốn cộng 9 với một số ta làm thế nào? (Gộp cho đủ chục rồi cộng với số còn lại). Làm sao để đủ chục? (Tách 1 ở số sau).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi sửa bài, thường xuyên cho HS nhắc lại cách cộng 9 với một số 	<ul style="list-style-type: none"> -HS Nêu yêu cầu bài tập -HS thực hiện -HS nhận xét
2'	<p>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ:</p> <ul style="list-style-type: none"> -GV :Muốn cộng 9 với một số ta làm thế nào? - Nhận xét, tuyên dương 	<ul style="list-style-type: none"> -HS trả lời, thực hiện

TOÁN

8 cộng với một số

I.Mục tiêu:

*Kiến thức, kĩ năng:

- Thực liện được phép tính $8+5$.
- Khái quát hoá được cách tính 8 cộng với một số.
- Vận dụng.
 - + Thực hiện tính nhẩm 8 cộng với một số, 9 cộng với một số (cộng qua 10 trong phạm vi 20).
 - + Tính toán trong trường hợp có hai đầu phép tính cộng để kiểm chứng cách tính 8 cộng với một số.

*Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

*Tích hợp: TN & XH

III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có). 20 khối lập phương

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. Các hoạt động dạy học:

<i>TL</i>	<i>Hoạt động của giáo viên.</i>	<i>Hoạt động của học sinh.</i>
8'	<p>A.KHỞI ĐỘNG :</p> <p>Tổ chức cho HS chơi trò chơi Hỏi đáp nhanh</p> <p>GV hỏi, HS nào trả lời nhanh đúng thì thắng</p> <p>GV có thể ra các câu hỏi, chẳng hạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 8 thêm mấy được 10? - 6 gồm 2 và mấy? 5 gồm 2 và mấy? ... - Có 1 chục và 3 đơn vị, ta được số mấy? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chơi -HS lắng nghe
10'	B.BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH:	
	<p>Hoạt động 1. Thực hiện phép tính $8 + 5$,</p> <ul style="list-style-type: none"> - HD HS hoạt động theo nhóm 4 <p>Bước 1 : Tìm hiểu vấn đề.</p> <ul style="list-style-type: none"> -HS đọc câu hỏi, quan sát hình ảnh, nhận biết được vấn đề cần giải quyết: $8 + 5 = ?$ <p>Bước 2: Lập kế hoạch.</p> <ul style="list-style-type: none"> -HS thảo luận cách tính $8 + 5$ -Yêu cầu HS nêu cách làm. <p>Bước 3: Tiến hành kế hoạch</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm thực hiện, viết phép tính ra bảng con, một vài nhóm trình bày ngắn gọn cách làm. <p>Bước 4: Kiểm tra lại.</p> <ul style="list-style-type: none"> -GV giúp HS kiểm tra: <ul style="list-style-type: none"> +Kết quả. +Phép tính có phù hợp vấn đề cần giải quyết $8 + 5 = ?$ 	<ul style="list-style-type: none"> -HS làm việc theo nhóm -HS thực hiện -HS đọc bảng cộng

	<p>Bài 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tìm hiểu bài, nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> • Các phép cộng ở mỗi gà mẹ có tổng bằng bao thì trứng gà mẹ mang số đó. • Lưu ý không nhầm lẫn khi cộng 9 với một số và 8 với một số. - HS trình bày bài - GV nhận xét 	<ul style="list-style-type: none"> -HS hoạt động nhóm bốn. -HS trình bày -HS nhận xét
2'	<p>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ:</p> <ul style="list-style-type: none"> -GV :Muốn cộng 8 với một số ta làm thế nào? Phân biệt 9 cộng với một số và 8 cộng với một số. - <i>Giống nhau:</i> Gộp cho đủ chục rồi <i>cộng</i> với số còn lại -<i>Khác nhau:</i> <i>Tách 1 ở số sau</i> - <i>Tách 2 ở số sau.</i> - Nhận xét, tuyên dương 	<ul style="list-style-type: none"> -HS trả lời, thực hiện

TOÁN 7 cộng với một số, 6 cộng với một số (Tiết 1)

I.Mục tiêu:

***Kiến thức, kĩ năng:**

- Thực hiện được phép tính $7 + 5, 6 + 5$.
- Khái quát hoá được cách tính 7 cộng với một số, 6 cộng với một số.
- Vận dụng :
 - Thực hiện tính nhẩm 7 cộng với một số, 6 cộng với một số (cộng qua 10 trong phạm vi 20).
 - Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng để kiểm chứng cách tính 7 cộng với một số, 6 cộng với một số.
- Phân biệt cách tính 9,8, 7,6 cộng với một số.
- Nhận biết tính chất giao hoán của phép cộng qua 10 trong phạm vi 20 qua các trường hợp cụ thể, vận dụng so sánh kết quả các phép cộng.

***Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

*Tích hợp: TN & XH

III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có). 30 khối lập phương
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.10 khối lập phương

III. Các hoạt động dạy học:

TL	Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
8'	A.KHỞI ĐỘNG : Tổ chức cho HS chơi trò chơi Hỏi nhanh-đáp gọn GV hỏi, HS nào trả lời nhanh đúng thì thắng <ul style="list-style-type: none">- 7 thêm mấy được 10?- 6 thêm mấy được 10?- Nói cách cộng 8 cộng với một số, 9 cộng với một số (làm cho đủ chục rồi cộng số còn lại).- GV dẫn dắt vào bài mới	<ul style="list-style-type: none">- HS chơi-HS lắng nghe
10'	B.BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH:	
	Hoạt động 1. Thực hiện phép tính $7 + 5, 6 + 5$ - HD HS hoạt động theo nhóm 4 Bước 1 : Tìm hiểu vấn đề. <ul style="list-style-type: none">-HS đọc câu hỏi, quan sát hình ảnh, nhận biết được vấn đề cần giải quyết: $7 + 5 = ?$ ($6 + 5 = ?$) Bước 2: Lập kế hoạch. <ul style="list-style-type: none">-HS thảo luận cách tính $7 + 5$ ($6 + 5$)-Yêu cầu HS nêu cách làm. Bước 3: Tiến hành kế hoạch <ul style="list-style-type: none">- Các nhóm thực hiện, viết phép tính ra bảng con, một vài nhóm trình bày ngắn gọn cách làm. Bước 4: Kiểm tra lại. <ul style="list-style-type: none">-GV giúp HS kiểm tra:<ul style="list-style-type: none">+Kết quả.+Phép tính có phù hợp vấn đề cần giải quyết $7 + 5 = ?$ ($6 + 5 = ?$)	<ul style="list-style-type: none">-HS làm việc theo nhóm 4 (Mỗi nửa lớp thực hiện một phép tính)-HS thực hiện, viết phép tính ra bảng con-HS trình bày cách làm-GV nhận xét

	<p>Hoạt động 2: Khái quát hoá cách cộng qua 10 trong phạm vi 20</p> <p>-GV :</p> <p>+ Chia lớp thành hai đội, một đội nêu yêu cầu, đội còn lại trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> • 9 cộng với một số 9 cộng 1 rồi cộng số còn lại. • 8 cộng với một số 8 cộng 2 rồi cộng số còn lại. • 7 cộng với một số 7 cộng 3 rồi cộng số còn lại. • 6 cộng với một số 6 cộng 4 rồi cộng số còn lại. <p>+ GV nhận xét, tuyên dương</p> <p>-GV khái quát hoá.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu thuật ngữ. <p>Trên đây là các phép cộng qua 10 trong phạm vi 20.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cộng các số qua 10 trong phạm vi 20 đều có chung cách làm: <p><i>Gộp cho đủ chục rồi cộng với số còn lại</i></p> <p>-GV viết lên bảng</p>	<p>- HS làm việc theo đội nhóm; thực hiện yêu cầu</p> <p>-HS nhận xét.</p> <p>-HS đọc</p>
--	---	---

15' C.LUYỆN TẬP

	<p>Bài 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu yêu cầu bài tập - HS tự tìm hiểu, nhận biết cách cộng và thực hiện (<i>bảng con</i>). <p>-GV gợi ý, hướng dẫn học sinh làm:</p> <p>Ví dụ: $7 + 4 = 7 + .? + 1$</p> <p>-Tại sao 7 cộng 4 được viết thành 7 cộng .?. rồi cộng 1?</p> <p>Do 4 tách thành .?. và 1 4 gồm 3 và 1, vậy ta thay 3 vào .?.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Klú sửa bài, GV có thể hỏi HS: Khi lấy 7 cộng với một số, tại sao không tách 1 ở số sau? (gộp 7 với 1 không đủ chục). HD HS thực hiện - GV nhận xét 	<p>-Nêu yêu cầu bài tập</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>-HS nhận xét</p>
	<p>Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu yêu cầu bài tập - HS nhận biết các phép tính trong bài đều là 7 hoặc 	<p>-HS Nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-HS thực hiện</p>

	<p>6 cộng với một số.</p> <p>- Khi sửa bài, thường xuyên cho HS nhắc lại cách cộng 7 hoặc 6 với một số</p>	-HS nhận xét
	<p>Bài 3:</p> <p>- HS tìm hiểu bài, nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> • HS đọc yêu cầu của bài. • Làm sao để biết mèo con nào của mèo mẹ? <p>- HS thảo luận, nhận biết tổng của hai số ở mỗi mèo mẹ là số của mèo con (ví dụ: tổng của 9 và 6 là 15, mèo con mang số 15 là con của mèo mẹ màu cam 9 + 6).</p> <p>- HS trình bày bài</p> <p>- GV nhận xét</p>	<p>-HS hoạt động nhóm bốn.</p> <p>-HS trình bày</p> <p>-HS nhận xét</p>
2'	<p>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ:</p> <p>-GV :Muốn cộng 7 (6) với một số ta làm thế nào?</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương</p>	-HS trả lời, thực hiện

TOÁN 7 cộng với một số, 6 cộng với một số (Tiết 2)

I.Mục tiêu:

***Kiến thức, kĩ năng:**

- Thực hiện được phép tính $7 + 5, 6 + 5$.
- Khái quát hoá được cách tính 7 cộng với một số, 6 cộng với một số.
- Vận dụng :
 - Thực hiện tính nhẩm 7 cộng với một số, 6 cộng với một số (cộng qua 10 trong phạm vi 20).
 - Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng để kiểm chứng cách tính 7 cộng với một số, 6 cộng với một số.
- Phân biệt cách tính 9,8, 7,6 cộng với một số.
- Nhận biết tính chất giao hoán của phép cộng qua 10 trong phạm vi 20 qua các trường hợp cụ thể, vận dụng so sánh kết quả các phép cộng.

***Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

*Tích hợp: TN & XH

III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có). 30 khối lập phương

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV. 10 khối lập phương

III. Các hoạt động dạy học:

<i>TL</i>	<i>Hoạt động của giáo viên.</i>	<i>Hoạt động của học sinh.</i>
2'	A.KHỞI ĐỘNG : <ul style="list-style-type: none">- HS bắt bài hát- GV dẫn dắt vào bài mới	<ul style="list-style-type: none">- HS hát-HS lắng nghe
25'	C.LUYỆN TẬP	
	Bài 4: <ul style="list-style-type: none">- Nêu yêu cầu bài tập- Phân tích mẫu:<ul style="list-style-type: none">• Tại sao có phép tính $9 + 5$ (9 hình tròn xanh và 5 hình tròn vàng).Tại sao có phép tính $5 + 9$ (5 hình tròn vàng và 9 hình tròn xanh).• So sánh kết quả hai phép tính ($9 + 5 = 5 + 9$).• Để tính. $5 + 9$, thường người ta tính $9 + 5$.- Khi sửa bài, lưu ý HS:<ul style="list-style-type: none">• $7+6 = 6 +7$, $6 + 5 = 5 + 6$• Trò chơi nói phép tính tiếp theo: GV: 4 cộng 8 bằng... HS; HS: 8 cộng 4- GV nhận xét	<ul style="list-style-type: none">-HS nêu yêu cầu bài tập- HS thực hiện-HS nhận xét
	Bài 5: <ul style="list-style-type: none">- Nêu yêu cầu bài tập-HD HS thực hiện theo các cách khác nhau.Ví dụ : $4 + 9$	<ul style="list-style-type: none">-HS Nêu yêu cầu bài tập-HS thực hiện

	<ul style="list-style-type: none"> - $4+6 + 3$ - $4+ 9 = 9 + 4$ -GV nhận xét, sửa chữa - 	-HS nhận xét
	<p>Bài 6:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tìm hiểu bài, nhận biết: - HD HS thực hiện - Yêu cầu HS giải thích cách làm. Ví dụ: $9 + 2$ và $3 + 9$. • $9+2 = 11$, $3 + 9 = 9 + 3 = 12$, $11 < 12$ nên $9 + 2 < 3 + 9$. • Hoặc: Hai tổng cùng có số hạng là 9, số hạng còn lại $2 < 3$ nên $9 + 2 < 3 + 9$. - GV nhận xét, sửa chữa 	<ul style="list-style-type: none"> -HS Nêu yêu cầu bài tập -HS trình bày -HS nhận xét
	<p>Bài 6:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tìm hiểu bài và tìm cách làm. +HS đọc yêu cầu của bài. +Đếm số quả chuối ở một đĩa (Có thể lấy đĩa A làm mẫu). Đĩa A có 8 quả chuối, 8 cộng mấy bằng 12? ($8 + 4 = 12$) Ta phải tìm đĩa có 4 quả chuối (đĩa G). Đĩa A và đĩa G có tổng số quả chuối là 12. Đáp án: A và G, B và E, C và D. - GV nhận xét, sửa chữa 	<ul style="list-style-type: none"> -HS Nêu yêu cầu bài tập -HS trình bày -HS nhận xét
8'	<p>C.CÙNG CỐ-DẶN DÒ:</p> <p>GV Yêu cầu HS Phân biệt 9,8,7 hoặc 6 cộng với một số.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giống nhau: Gộp cho đủ chục rồi cộng với số còn lại + Khác nhau: Tách 1, 2, 3 hoặc 4 ở số sau - Nhận xét, tuyên dương 	-HS trả lời

TOÁN

SỐ BỊ TRỪ – SỐ TRỪ - HIỆU (Tiết 2)

I.Mục tiêu:

*Kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết tên gọi các thành phần của phép tính trừ.
- Ôn tập phép trừ trong phạm vi 10, 100

*Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

*Tích hợp: TN & XH

III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có).
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. Các hoạt động dạy học:

<i>TL</i>	<i>Hoạt động của giáo viên.</i>	<i>Hoạt động của học sinh.</i>
8'	A.KHỞI ĐỘNG : -GV cho HS bắt bài hát -Ôn định , vào bài	- HS hát
B.LUYỆN TẬP :		
10'	Hoạt động: Luyện tập *Bài 1: HS tìm hiểu bài, nhận biết tính hiệu là thực hiện phép tính trừ - HS thực hiện (bảng con). t *	-HS nêu yêu cầu bài tập -HS làm ở bảng con -HS trả lời

	<p style="text-align: center;">*</p> <p style="text-align: center;">t</p> <p style="text-align: center;">—</p> <p style="text-align: right;">(</p> <p style="text-align: right;">11</p> <p>- HD HS sửa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> • HS làm trên bảng lớp • HS gọi tên các thành phần của phép tính. <p>- GV nhận xét, củng cố</p>	
15'	<p>Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu bài. • Yêu cầu của bài là gì? (Tính nhằm) <p>-HS làm bài theo nhóm đôi (đọc phép tính và nói kết quả cho bạn nghe).</p> <p>-HS nêu</p> <p>-G nhận xét</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS trả lời</p> <p>-HS khác nhận xét, bổ sung.</p>
	<p>Bài 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu bài • Yêu cầu của bài là gì? (Số?). • Tìm thế nào? <p>(Dựa vào sơ đồ tách - gộp số, tính từ trên xuống: 8 gồm 3 và 5; 3 gồm 2 và 1. Tiếp theo: 5 gồm 1 và mấy?).</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm bài theo nhóm đôi. - Khi sửa bài, khuyến khích HS giải thích cách làm. 	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS làm bài</p> <p>-HS khác nhận xét, bổ sung.</p>
	<p>Bài 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu bài. • Yêu cầu của bài là gì? (Số?). • Tìm thế nào? (Dựa vào sơ đồ tách - gộp số, thao tác tách để tìm số thích hợp thay cho dấu (?)) <p>- HS làm bài.</p> <p>GV lưu ý HS dựa vào cách tách để kiểm tra kết quả.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi sửa bài, khuyến khích HS giải thích cách 	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS làm bài</p> <p>-HS khác nhận xét, bổ sung.</p>

	làm.	
	<p>Bài 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu, nhận biết: hiệu của hai số trên mỗi bó cỏ là số của con bò. Ví dụ: Hiệu của 25 và 20 là 5, đây là bó cỏ của con bò số 5. - Khi sửa bài, yêu cầu HS nói kết quả tìm được. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu bài tập. -HS trả lời -HS khác nhận xét, bổ sung.
3'	<p>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trò chơi: HỎI NHANH - ĐÁP GỌN - GV chuẩn bị một số bảng con, trên mỗi bảng con viết sẵn một phép trừ. Khi GV đưa bảng con ra, HS gọi tên các thành phần của phép tính. - Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau. 	<ul style="list-style-type: none"> -HS chơi trò chơi -HS trả lời, thực hiện

TOÁN

NHIỀU HƠN HAY ÍT HƠN BAO NHIÊU (Tiết 1)

I. Mục tiêu:

***Kiến thức, kĩ năng:**

- Nhận biết nhiều hơn, ít hơn.
- Vận dụng GQVĐ liên quan:
- Tìm xem hai nhóm đối tượng nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu qua việc so sánh hai số hơn kém bao nhiêu đơn vị.

***Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

*Tích hợp: TN & XH

III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); 20 khối lập phương
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV; 10 khối lập phương

III. Các hoạt động dạy học:

TL	Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
8'	A.KHỞ ĐỘNG : - GV cho HS bắt bài hát - Vào bài mới	- HS hát - HS lắng nghe
B.BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH:		
10'	Hoạt động 1. Giới thiệu nhiều hơn, ít hơn - Hd HS sử dụng ĐDDH thể hiện số kẹo của bạn trai, bạn gái. Nhận biết số lớn, số bé, phần chênh lệch. - HS quan sát hình ảnh mô hình kẹo của hai bạn, nhận biết - GV dùng ĐDDH khái quát quan hệ nhiều hơn, ít hơn: • Số kẹo bạn trai là số bé (6).	- HS thực hiện - HS quan sát nhận biết + Bạn trai có ít hơn bạn gái 3 cái kẹo.

	<ul style="list-style-type: none"> Số kẹo bạn gái là số lớn (9). Số kẹo bạn gái nhiều hơn bạn trai cũng chính là số kẹo bạn trai ít hơn bạn gái (phần chênh lệch). Nếu không có đồ dùng thay thế số kẹo, ta sẽ làm phép tính như thế nào để biết nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu? HS viết ra bảng con: $9 - 6 = 3$ (tìm phần chênh lệch). GV chỉ vào từng thành phần của phép tính trên để HS nói: Bạn gái có nhiều hơn bạn trai 3 cái kẹo. Bạn trai có ít hơn bạn gái 3 cái kẹo. 	<p>+Bạn gái có nhiều hơn bạn trai 3 cái kẹo</p> <p>-HS quan sát</p> <p>-HS viết ở bảng con</p> <p>-Nhận xét</p>
15'	<p>Hoạt động 2:Thực hành</p> <p>Bài 1: HS sử dụng ĐDHT, mỗi nhóm lấy số khối lập phương</p> <p>Bài 2: GV hd, HS nhận biết các việc cần làm</p> <ul style="list-style-type: none"> Quan sát hình ảnh. Nêu số lớn, số bé và số chỉ phần chênh lệch. Thực hiện phép tính để tìm phần chênh lệch. Dùng các từ nhiều hơn, ít hơn để kết luận. <p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung. GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS thực hiện</p> <p>-HS khác nhận xét, bổ sung.</p>
3'	<p>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</p> <p>- Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.</p>	<p>-HS trả lời, thực hiện</p>

TOÁN

NHIỀU HƠN HAY ÍT HƠN BAO NHIÊU (Tiết 2)

I.Mục tiêu:

*Kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết nhiều hơn, ít hơn.
- Vận dụng GQVĐ liên quan:
- Tìm xem hai nhóm đối tượng nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu qua việc so sánh hai số hơn kém bao nhiêu đơn vị.

*Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

*Tích hợp: TN & XH

III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); 20 khối lập phương

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV; 10 khối lập phương

III. Các hoạt động dạy học:

<i>TL</i>	<i>Hoạt động của giáo viên.</i>	<i>Hoạt động của học sinh.</i>
3'	A.KHỞI ĐỘNG : -GV cho HS bắt bài hát -Ổn định , vào bài	- HS hát
20'	B.LUYỆN TẬP : Hoạt động: Luyện tập *Bài 1: -Nêu yêu cầu bài tập - HS nhóm đôi nhận biết đây là bài toán tìm phần chênh lệch. (GV có thể sử dụng phương pháp mảnh ghép để tổ chức cho HS luyện tập câu a và câu b.) -GV có thể khuyến khích nhiều nhóm HS nói. Mở rộng: cách nói về tuổi, có thể dùng từ “lớn hơn... tuổi” hoặc “nhỏ / bé hơn ... tuổi”. - GV nhận xét, củng cố	-HS nêu yêu cầu bài tập -HS làm việc theo nhóm -HS trả lời
	Bài 2: -HS thảo luận, nhận biết các nhiệm vụ cần làm: cách phổ biến nhất là đo từng băng giấy rồi làm tính trừ ($10\text{ cm} - 6\text{ cm} = 4\text{ cm}$). -Khi các nhóm trình bày, GV giúp đỡ các em giải thích từng bước làm. -Nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu chính là bài toán tìm phần chênh lệch. -GV có thể cho HS chơi “Ai nhanh hơn”. Ví dụ:	- HS nêu yêu cầu bài tập. -HS thực hiện -HS khác nhận xét, bổ sung.

	<p>- GV nói: 8 cái bánh, 1 cái kẹo.</p> <p>HS nhóm đôi: viết phép tính trừ vào bảng con, nhóm nào viết xong trước nhất thì chạy lên trước lớp đứng, giơ bảng cho cả lớp xem và nói:</p> <p>HS 1. Bánh nhiều hơn kẹo 7 cái.</p> <p>HS 2: Kẹo ít hơn bánh 7 cái</p>	
12'	<p>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</p> <p>- GV: Nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu chính là bài toán tìm phần chênh lệch.</p> <p>- GV có thể cho HS chơi “Ai nhanh hơn”.</p> <p>Ví dụ:</p> <p>GV nói: 8 cái bánh, 1 cái kẹo.</p> <p>HS nhóm đôi: viết phép tính trừ vào bảng con, nhóm nào viết xong trước nhất thì chạy lên trước lớp đứng, giơ bảng cho cả lớp xem và nói:</p> <p>HS 1. Bánh nhiều hơn kẹo 7 cái.</p> <p>-GV nhận xét, tuyên dương</p>	<p>-HS chơi trò chơi</p> <p>-HS trả lời, thực hiện</p>

TOÁN

Em làm được những gì? (Tiết 1)

I.Mục tiêu:

**Kiến thức, kĩ năng:*

- Ôn tập: tên gọi các thành phần của phép tính cộng và phép tính trừ.
- Cùng cố ý nghĩa của phép cộng, phép trừ: Dựa vào hình ảnh, nói được tình huống dẫn đến phép cộng, phép trừ.
- Sử dụng sơ đồ tách - gộp số để nhận biết mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.
- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (+, -).
- Hệ thống hoá các kiến thức đã học về số, phép tính, giải toán.

**Năng lực, phẩm chất:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

*Tích hợp: Toán học và cuộc sống; TN & XH

III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có).

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. Các hoạt động dạy học:

<i>TL</i>	<i>Hoạt động của giáo viên.</i>	<i>Hoạt động của học sinh.</i>
8'	A.KHỞI ĐỘNG : -Trò chơi: ĐỐ BẠN +GV: Tám mươi bảy gồm mấy chục và mấy đơn vị? +Cả lớp: 87 gồm 8 chục và 7 đơn vị hay 80 và 7. +GV: Gộp 80 và 7 được số nào? +Cả lớp: Gộp 80 và 7 được 87. -Sau đó HS chơi theo nhóm đôi hoặc chơi theo đội. -GV vào bài	-HS chơi
22'	B.LUYỆN TẬP : <i>Hoạt động: Luyện tập</i> Bài 1: -Nhóm hai HS tìm hiểu bài, nhận biết • Yêu cầu của bài: số? • Tìm quy luật dãy số (câu a: thêm 1; câu b: thêm 2; câu c: thêm 10). - Khi sửa bài, khuyến khích HS giải thích tại sao điền như vậy. Ví dụ: a) Em đếm thêm 1. b) Em đếm thêm 2. c) Em đếm thêm 10. - GV nhận xét, củng cố	-HS nêu yêu cầu bài tập -HS làm ở bảng con -HS trả lời
'	Bài 2: - HS nhóm đôi tìm hiểu mẫu, nhận biết yêu cầu rồi thực hiện. • Phân tích cấu tạo số: 73 gồm 70 và 3. • Viết bốn phép tính với ba số: 73; 70 và 3. - Sửa bài, khuyến khích HS phân tích cấu tạo số.	- HS nêu yêu cầu bài tập. -HS trả lời

	<p>Mở rộng: Với ba số mà ta có thể viết thành phép cộng hay phép trừ, người ta gọi đó là các số gia đình</p> <p>-HS nêu -G nhận xét</p>	-HS khác nhận xét, bổ sung.
	<p>Bài 3:</p> <p>-Nêu yêu cầu bài tập -HD HS thực hiện</p> <p>$34 + 52 = 86$ 34 là số hạng 52 là số hạng 86 là tổng</p> <p>-HS nhóm đôi che từng số trong sơ đồ tách- gộp rồi đọc phép tính để tìm số bị chia. -HS thay ? bằng phép tính thích hợp -GV nhận xét ,bổ sung</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS làm bài</p> <p>-HS khác nhận xét, bổ sung.</p>
	<p>Bài 4:</p> <p>- HS tìm hiểu bài, nhận biết: đặt tính rồi tính - HS thực hiện (bảng con). - Sửa bài. • HS làm tiên bảng lớp (Mỗi HS làm một phép tính). * Lưu ý HS đặt đúng phép tính $8 + 41$ -GV nhận xét ,bổ sung</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS làm bài</p> <p>-HS khác nhận xét, bổ sung.</p>
5'	<p>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</p> <p>- Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.</p>	-HS trả lời, thực hiện

